

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành  
Công trình: Xây dựng, lắp đặt và vận hành  
các trạm quan trắc tự động trên địa bàn tỉnh

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 313/TTr-STC ngày 01/8/2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành với các nội dung như sau:

- Tên công trình: Xây dựng, lắp đặt và vận hành các trạm quan trắc tự động trên địa bàn tỉnh.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh.
- Địa điểm xây dựng: Thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn, huyện Tuy Phước, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.
- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.
- Cơ quan phê duyệt dự án đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.
- Thời gian khởi công – hoàn thành: từ ngày 15/6/2023 đến ngày 31/12/2023.

## Điều 2. Kết quả đầu tư

### 1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| Số TT          | Nội dung  | Dự toán được duyệt    | Giá trị quyết toán    |
|----------------|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>Tổng số</b> |   | <b>33.403.600.000</b> | <b>32.710.906.000</b> |
| <b>I</b>       | <b>Chi phí xây dựng</b>   | <b>2.745.878.000</b>  | <b>2.682.232.000</b>  |
| <b>II</b>      | <b>Chi phí thiết bị</b>   | <b>28.795.394.000</b> | <b>28.271.841.000</b> |
| <b>III</b>     | <b>Chi phí quản lý dự án</b>  | <b>627.416.000</b>    | <b>627.415.000</b>    |
| <b>IV</b>      | <b>Tư vấn đầu tư xây dựng công trình</b>  | <b>1.057.259.000</b>  | <b>970.562.000</b>    |
| 1              | Chi phí lập dự án nghiên cứu khả thi  | 181.636.000           | 181.636.000           |
| 2              | Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi   | 41.482.000            | 41.482.000            |
| 3              | Chi phí khảo sát xây dựng: khảo sát địa hình, điều tra thủy văn tại vị trí xây dựng các trạm quan trắc  | 263.804.000           | 254.239.000           |
| 4              | Chi phí thiết kế BVTC, dự toán  | 189.994.000           | 186.540.000           |
| 5              | Chi phí thẩm tra hồ sơ TKBVTC, dự toán  | 7.270.000             | 7.138.000             |
| 6              | Chi phí tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT mua sắm thiết bị   | 66.950.000            | 66.948.000            |
| 7              | Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT  | 33.474.000            | 31.446.000            |
| 8              | Chi phí tư vấn giám sát thi công lắp đặt thiết bị   | 202.641.000           | 201.133.000           |
| 9              | Chi phí tư vấn giám sát thi công xây dựng   | 70.008.000            |                       |
| <b>IV</b>      | <b>Chi phí khác</b>   | <b>177.653.000</b>    | <b>158.856.000</b>    |
| 1              | Chi phí bảo hiểm công trình   | 0                     | 0                     |
| 2              | Phí thẩm định thiết kế cơ sở  | 3.123.000             | 0                     |
| 3              | Phí thẩm định thiết kế cơ sở điều chỉnh bổ sung   | 1.561.000             | 1.561.000             |
| 4              | Phí thẩm định thiết kế sau điều chỉnh   | 817.000               | 817.000               |
| 5              | Chi phí thẩm định thiết kế  | 2.685.000             | 0                     |
| 6              | Chi phí thẩm định dự toán   | 2.600.000             | 0                     |
| 7              | Chi phí thẩm định giá thiết bị (Giai đoạn phê duyệt dự án do Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện)   | 41.080.000            | 40.333.000            |
| 8              | Chi phí thẩm định giá thiết bị (Giai đoạn phê duyệt TKBVTC do Ban Quản lý dự án Dân dụng thực hiện theo Biên bản bàn giao hồ sơ ngày 20/6/2022) | 41.080.000            | 40.333.000            |
| 9              | Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán  | 84.707.000            | 75.812.000            |
| <b>V</b>       | <b>Dự phòng chi</b>   | <b>0</b>              | <b>0</b>              |

## 2. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| Số TT      | Nội dung   | Dự toán được duyệt    | Thực hiện             |                       |   |   |
|------------|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|---|---|
|            |  |                       | Giá trị quyết toán    | Số vốn đã giải ngân   | Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán | Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán |
|            | <b>Tổng số</b>                                     | <b>33.403.600.000</b> | <b>32.710.906.000</b> | <b>32.635.094.000</b> | <b>75.812.000</b>                                   | <b>0</b>                                      |
| <b>1</b>   | <b>Vốn đầu tư công</b>                             |                       |                       | 32.635.094.000        |   |   |
| <b>1.1</b> | <b>Vốn Ngân sách nhà nước</b>                      |                       |                       | 32.635.094.000        |   |   |
|            | - Vốn ngân sách tỉnh (nguồn cấp quyền sử dụng đất) |                       |                       | 32.371.643.000        |   |   |
|            | - Vốn sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |                       |                       | 263.451.000           |   |   |

## 3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| Nội dung                          | Thuộc chủ đầu tư quản lý |                 | Giao đơn vị khác quản lý |                       |
|-----------------------------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------------|
|                                   | Giá trị thực tế          | Giá trị quy đổi | Giá trị thực tế          | Giá trị quy đổi       |
| <b>Tổng số</b>                    |                          |                 | <b>32.710.906.000</b>    | <b>32.710.906.000</b> |
| Tài sản dài hạn (tài sản cố định) |                          |                 | 32.710.906.000           | 32.710.906.000        |

## 4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: không.

5. Vật tư, thiết bị tồn đọng: không.

## Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

### 1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

| Nguồn  | Số tiền               | Ghi chú |
|--|-----------------------|---------|
| <b>Tổng số</b>                                     | <b>32.710.906.000</b> |         |
| 1. Đã bố trí                                       | 32.635.094.000        |         |
| - Vốn ngân sách tỉnh (nguồn cấp quyền sử dụng đất) | 32.371.643.000        |         |
| - Vốn sự nghiệp bảo vệ môi trường                  | 263.451.000           |         |
| 2. Chưa bố trí                                     | 75.812.000            |         |

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán là:

Tổng nợ phải trả: 75.812.000 đồng

Trong đó

- Chi phí khác 75.812.000 đồng

+ Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán 75.812.000 đồng.

**2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:** Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

| Tên đơn vị tiếp nhận tài sản          | Tài sản dài hạn/cố định |
|---------------------------------------|-------------------------|
| Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định | <b>32.710.906.000</b>   |

**3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan:** Chịu trách nhiệm về những nội dung, công việc của từng đơn vị, cơ quan đã thực hiện xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình và thực hiện việc bàn giao công trình theo quy định hiện hành. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan tiến hành cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- CT UBND tỉnh;
- PCTTT N. T. Thanh;
- Lưu: VT, K10

*th*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**